

Bản án số: 116/2019/DS-PT  
Ngày: 24 – 10 – 2019  
V/v: Tranh chấp Hợp đồng mua  
bán tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Viết Hòa

*Các thẩm phán:* Ông Bùi Văn Bình

Ông Bùi Thanh Thảo

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Nam – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:*** Ông Cao Thanh Nam - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự sơ phúc thụ lý số: 112/2019/DSPT ngày 16/9/2019 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản*”. Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 22/2019/DS-ST ngày 30/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2019/QĐPT-DS ngày 07 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Bà Vũ Thị C, sinh năm 1954. “*vắng mặt*”

Địa chỉ: Khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị C: Ông Bùi Gia N, sinh năm 1976. “*có mặt*”

Địa chỉ: Quốc lộ 14, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

***Bị đơn:*** Ông Phạm Nguyễn H, sinh năm 1980. “*có mặt*”

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

Bà Bùi Thị D, sinh năm 1983. “*có mặt*”

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước.

*Người kháng cáo:* Bị đơn ông Phạm Nguyễn H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị D.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 06/11/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 11/12/2018 quá trình giải quyết vụ án bà Vũ Thị C cùng với người đại diện theo ủy quyền ông Bùi Gia N thống nhất trình bày:*

Ngày 01/9/2018 bà Vũ Thị C có bán cho vợ chồng ông Phạm Nguyễn H 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu INOVA biển số 93A – 023.39, số khung RL4X43G479218592, số máy 1TR6464928, giá bán các bên thỏa thuận là 290.000.000 đồng. Ông H đưa trước cho bà C số tiền là 120.000.000 đồng, còn lại 170.000.000 đồng các bên thỏa thuận ngày 01 hàng tháng tiếp theo (từ ngày 01/10/2018) ông H trả cho bà C 50.000.000 đồng, nếu không trả phải trả thêm 5.000.000 đồng là tiền thuê xe. Khi mua bán các bên có làm giấy tay và bà C đã giao xe và giấy đăng ký xe cho ông H. Ngày 06/10/2018 ông H đã trả được số tiền là 50.000.000 đồng.

Kỳ trả tiếp theo vào ngày 01/11/2018 ông H không trả nên bà C nhiều lần đòi tiền nhưng ông H nói trả cho ông P nên không trả cho bà C. Việc ông H nói trả cho ông P bà C không đồng ý vì bà C không cho ông P nhận tiền thay.

Do đó, bà C yêu cầu ông H, bà D trả số tiền còn lại là 120.000.000 đồng cho bà C và không yêu cầu tính lãi suất.

*Tại bản từ khai ngày 02/01/2019, biên bản lấy lời khai ngày 11/4/2019, quá trình làm việc và tại phiên tòa bị đơn anh Phạm Nguyễn H trình bày:*

Ngày 01/9/2018 ông Phạm Nguyễn H và bà Vũ Thị C có làm hợp đồng mua bán 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu INOVA biển số 93A – 023.39, số khung RL4X43G479218592, số máy 1TR6464928, giá mua các bên thỏa thuận là 290.000.000 đồng. Ông H đưa trước cho bà C số tiền là 120.000.000 đồng, còn lại 170.000.000 đồng ngày 01 hàng tháng tiếp theo ông H trả 50.000.000 đồng, nếu không trả phải trả thêm 5.000.000 đồng là tiền thuê xe. Khi mua bán các bên có làm giấy tay và bà C đã giao xe và giấy chứng nhận đăng ký xe cho ông H.

Ngày 06/10/2018 ông H đã trả được số tiền là 50.000.000 đồng. Số tiền còn lại ngày 02/11/2018 ông H đã trả cho ông P số tiền 120.000.000 đồng tại quán nước ở Minh Lập có anh Lê Văn T là người làm chứng. Lý do ông H trả cho ông P là do bà C nói bà C đã già yếu và đường xa nên ông P nhận thay. Sau khi mua xe thì ông H đã bán cho một người ở Đồng Nai hiện tại ông H không biết địa chỉ cụ thể của người mua xe cũng như chiếc xe này đang ở đâu.

Nay bà C yêu cầu ông H trả 120.000.000 đồng thì ông H không đồng ý vì đã trả số tiền còn thiếu của bà C cho ông P.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/01/2019 quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị D trình bày: Bà D thống nhất với lời trình bày của ông H.*

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2019/DS-ST ngày 30-7-2019 của Tòa án nhân dân huyện H đã quyết định:*

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 93, 147, 180, 227, 233, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 274, 275, 276, 278, 280, 430, 431, 433, 434, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Điều 27 Luật HNGĐ năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản*” của bà Vũ Thị C tuyên xử:

Buộc ông Phạm Nguyễn H, bà Bùi Thị D có nghĩa vụ trả cho bà Vũ Thị C số tiền là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng).

*Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.*

Ngày 09/8/2019, nguyên đơn ông Phạm Nguyễn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị D có đơn kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc bà C yêu cầu ông H, bà D phải trả số tiền 120 triệu đồng và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm làm rõ phần bị cắt dưới phần chữ ký của hai bên mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phạm Nguyễn H, bà Bùi Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phát biểu:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Kể từ ngày thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2019/DS-ST ngày 30/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

Về án phí, chi phí tố tụng khác và nghĩa vụ thi hành án, Hội đồng xét xử quyết định theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Đơn kháng cáo của bị đơn ông Phạm Nguyễn H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị D đúng hình thức, đầy đủ nội dung và trong thời hạn kháng cáo nên đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 272; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Các đương sự đều thừa nhận, vào ngày 01/9/2018 bà C bán cho ông H 01 xe ô tô hiệu INOVA, biển kiểm soát 93A - 023.39, số khung RL4X43G479218592, số máy 1TR6464928, giá mua bán xe là 290.000.000 đồng, xe có giấy chứng nhận đăng ký tên bà Vũ Thị C, ông H đã trả cho bà C số tiền là 120.000.000 đồng còn thiếu lại 170.000.000 đồng các bên thống nhất ngày 01 hàng tháng tiếp theo ông H phải trả cho bà C là 50.000.000 đồng/tháng, nếu không trả đủ sẽ phải trả số tiền 5.000.000 đồng/tháng xem là tiền thuê xe. Bên bán đã giao xe và giấy tờ xe cho bên mua theo thỏa thuận.

Ngày 06/10/2018, ông H đã trả cho bà C số tiền 50.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 120.000.000 đồng.

Do ông H không trả cho bà số tiền còn lại là 120.000.000 đồng nên khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông H, bà D phải trả số tiền trên. Bà C còn cho rằng không ủy quyền cho ông Nguyễn Đình P nhận số tiền này.

Ông H, bà D cho rằng đã trả số tiền 120.000.000 đồng cho ông Nguyễn Đình P là người được bà C ủy quyền nhận. Nay ông H, bà D không còn nợ tiền bà C số tiền trên nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà C. Hiện nay ông H không xác định được ông P đang cư trú ở đâu còn chiếc xe ô tô biển kiểm soát 93A - 023.39 mua của bà C, ông H đã bán cho người khác.

[3] Xét kháng cáo của ông H và bà D thấy rằng:

Hợp đồng mua bán xe ô tô biển kiểm soát 93A - 023.39 giữa các bên là tự nguyện, đúng quy định nên có hiệu lực pháp luật, các bên phải thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng đã giao kết. Bên bán đã giao xe và các giấy tờ kèm theo cho bên mua còn bên mua đã trả cho bên bán được 120.000.000 đồng còn nợ lại 120.000.000 đồng nên có nghĩa vụ trả đủ theo đúng thỏa thuận.

Phía ông H cung cấp cho Tòa án giấy mua bán xe giữa các bên đề ngày 01/9/2018 (BL 36,37), ở phần sau chữ ký của các bên có nội dung: “*Tôi Nguyễn Đình P chịu trách đối với số tiền 170.000.000 đồng và 5.000.000 đồng hàng tháng và ký tên*” và cho rằng đã trả số tiền 120.000.000 đồng cho ông Nguyễn Đình P là người được bà C ủy quyền nhận. Địa điểm trả tiền tại quán nước ở xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước có anh Lê Văn T là người chứng kiến sự việc.

Tuy nhiên, xét trong nội dung “giấy bán xe” đều thể hiện ông H có nghĩa vụ thanh toán tiền mua xe cho bà C (Bên A) và được các bên ký xác nhận. Phần nội dung ghi “*Tôi Nguyễn Đình P chịu trách đối với số tiền 170.000.000 đồng và 5.000.000 đồng hàng tháng và ký tên*” được viết sau phần bà C ký trong giấy mua bán xe không có xác nhận của bà C, hơn nữa nội dung này cũng không thể hiện là bà C ủy quyền cho ông P nhận số tiền 120.000.000 đồng từ ông H nên không có căn cứ xác định bà C ủy quyền cho ông P nhận số tiền trên. Ngoài ra, ông H khai trả số tiền 120.000.000 đồng cho ông P nhưng không lập giấy tờ, ông H chỉ tự mình ghi vào giấy mua bán xe nội dung “*2/11/2018, Tôi Phạm Nguyễn H đã giao đủ số tiền nợ cho anh Nguyễn Đình P là 120.000.000 đồng*” và có anh Lê Văn T làm chứng nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh T khẳng định không chứng kiến ông H trả tiền cho ông P (Lời khai ngày 14/6/2019, bút lục số 41) nhưng tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm anh T thay đổi lời khai là có chứng kiến việc ông H có giao tiền cho ông P. Xét thấy, lời khai của anh T trước sau có sự mâu thuẫn và anh T không giải thích được vì sao có sự khác nhau trong lời trình bày của mình nên lời khai này không đảm bảo khách quan, chính xác nên không có căn cứ chấp nhận. Còn ông P hiện nay không rõ ở đâu nên không xác định được.

Như vậy, việc ông H, bà D cho rằng đã trả số tiền mua xe còn nợ là 120.000.000 đồng cho bà C không có cơ sở chấp nhận. Căn cứ hợp đồng mua bán xe ô tô giữa các bên có hiệu lực pháp luật, nên cần bên mua phải trả số tiền 120.000.000 đồng còn lại cho bà C là đúng quy định theo Điều 440 Bộ luật dân sự. Ông H và bà D là vợ chồng mua xe sử dụng chung nên đều có nghĩa vụ chung theo quy định.

Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn ông Phạm Nguyễn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị D phải có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền 120 triệu là có căn cứ, đúng quy định.

Ông H, bà D kháng cáo bản án sơ thẩm nhưng không đưa ra được căn cứ nào để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có cơ sở để chấp nhận. Cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2019/DS-ST ngày 30/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ nên được chấp nhận.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông H, bà D phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Áp dụng các Điều 274, 275, 276, 278, 280, 430, 431, 433, 434, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật HNGĐ năm 2014.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phạm Nguyễn H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị D;

Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 22/2019/DS-ST ngày 30-7-2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước;

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” của bà Vũ Thị C,

Buộc ông Phạm Nguyễn H, bà Bùi Thị D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Vũ Thị C số tiền là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Nguyễn H, bà Bùi Thị D phải chịu án phí dân sự có giá ngạch số tiền là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Bà Vũ Thị C không phải chịu án phí dân sự có giá ngạch. Chi cục thi hành án dân sự huyện H hoàn trả cho bà Vũ Thị C số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005072 ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông H, bà D phải chịu số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông H, bà D đã nộp theo Biên lai thu số 0001521 ngày 22/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện H;
- Chi cục THA huyện H;
- Những người tham gia tố tụng;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu HS, TDS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Viết Hòa**